

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ LÁCH
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **289/2023/HNGĐ – ST**
Ngày 18- 8- 2023
V/v tranh chấp “Ly hôn”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ LÁCH, TỈNH BẾN TRE**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Phê

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Công Tâm
2. Ông Nguyễn Văn Tùng.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

Ngày 18 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 184/2023/TLST - HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2023 về việc tranh chấp “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 91/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 73/2023/QĐST – HNGĐ ngày 03/8/2023 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Phạm Thị Nhựt L, sinh năm 1975; Đăng ký thường trú: Số 84/91 ấp TĐ, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bến Tre; Tạm trú: số 1/2 Tân Hòa 2, khu phố 6, phường PH, thành phố TĐ, thành phố Hồ Chí Minh. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- **Bị đơn:** Ông Trần Nhựt Đ, sinh năm 1973; Đăng ký thường trú: Số 134/74 ấp SL, xã SĐ, huyện C, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Phạm Thị Nhựt L trình bày:

Vào năm 1994 bà và ông Trần Nhựt Đ được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới, hôn nhân tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã SĐ và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 21/02/1994. Trong thời gian sống chung ông, bà có 01 con chung Trần Diệp Linh Đ, sinh năm 1994 hiện con chung đã trưởng thành; bà và ông Đ không có tài sản chung và nợ chung.

Nguyên nhân ly hôn: là do trong thời gian chung sống ông, bà bất đồng quan điểm vợ chồng ngày càng mất lòng tin và không còn tiếng nói chung; ông Đ không quan tâm chăm sóc cho vợ con, không lo làm ăn phát triển kinh tế gia đình; hai bên có hàn gắn nhưng không thành; ông, bà không còn sống chung đã từ đầu năm 2007 cho đến nay. Nhận thấy ông, bà có nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên bà có yêu cầu như sau:

+ Về quan hệ hôn nhân: Bà yêu cầu được ly hôn với ông Trần Nhật Đ. Bà không yêu cầu giải quyết cấp dưỡng giữa vợ và chồng sau khi ly hôn.

+ Về con chung: Tên Trần Diệp Linh Đ, sinh năm 1994 đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

+ Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết.

+ Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn ông Trần Nhật Đ đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Đ nhưng ông Đ vẫn vắng mặt không có lý do, không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không cung cấp chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn ông Trần Nhật Đ hiện có đăng ký thường trú tại ấp SL, xã SĐ, huyện C, tỉnh Bến Tre do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về tố tụng: Bà Phạm Thị Nhật L có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Trần Nhật Đ đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng ông Đ vẫn vắng mặt không có lý do vì vậy căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Phạm Thị Nhật L và ông Trần Nhật Đ.

[4] Về nội dung:

Về hôn nhân: Bà Phạm Thị Nhật L và ông Trần Nhật Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bên nào bị lừa dối hoặc bị ép buộc, cả hai có đủ điều kiện kết hôn. Việc kết hôn có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Sơn Định, huyện Chợ

Lách, tỉnh Bến Tre và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 21/02/1994. Vì vậy quan hệ hôn nhân của bà L, ông Đ được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Nguyên nhân bà L xin ly hôn với ông Đ là do trong thời gian chung sống ông, bà bất đồng quan điểm vợ chồng ngày càng mất lòng tin và không còn tiếng nói chung, ông Đ không quan tâm chăm sóc cho vợ con; gia đình hai bên có hàn gắn nhưng không thành, ông bà không còn sống chung từ năm 2007 cho đến nay. Xét thấy: Từ năm 2007 cho đến nay bà L, ông Đ không còn sống chung, không còn quan tâm chăm sóc cho nhau. Mặt khác ông Đ biết rõ việc bà L xin ly hôn với ông, Tòa án đã tạo điều kiện để bà L, ông Đ hòa giải hàn gắn tình cảm nhưng ông Đ vắng mặt không có lý do nên từ đó có căn cứ kết luận tình trạng mâu thuẫn trong hôn nhân giữa bà L, ông Đ đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài; mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà L là phù hợp. Do bà Phạm Thị Nhựt L và ông Trần Nhựt Đ không yêu cầu giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về con chung: Bà Phạm Thị Nhựt L và ông Trần Nhựt Đ có 01 con chung tên Trần Diệp Linh Đ, sinh năm 1994 đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Bà Phạm Thị Nhựt L phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

[6] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, 39, 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, 228, 238, Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 53, 56 và Điều 115 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của bà Phạm Thị Nhựt L. Bà Phạm Thị Nhựt L được ly hôn với ông Trần Nhựt Đ.

Do bà Phạm Thị Nhựt L và ông Trần Nhựt Đ không yêu cầu giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ, chồng khi ly hôn nên không xem xét.

2. Về con chung: Tên Trần Diệp Linh Đ, sinh năm 1994 đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Bà Phạm Thị Nhựt L phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004407 ngày 25/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Lách và đã nộp xong.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TA tỉnh Bến Tre
- VKSND huyện Chợ Lách;
- Chi cục T.H.A DS huyện Chợ Lách;
- Các đương sự;
- UBND xã Sơn Định, huyện Chợ Lách;
- Lưu HSV A+VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Huỳnh Thị Phê

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Tùng – Hà Công Tâm

Huỳnh Thị Phê

**Caùc Hoài thaảm nhaân daân
Chuû toãi phieân toaø**

Thaảm phaùn –

Nguyễn Văn Chót – Phạm Minh Đạt

Huyønh Thò Pheâ

